TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **46**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2019
"*V/v Ly hôn và nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: **1.** Bà Võ Thị Thúy An.

2. Bà Phan Thị Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Thanh B, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Bùi Thị M, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh B và chị M tự nguyện tìm hiểu rồi chung sống vào năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay

xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình nên anh B yêu cầu ly hôn với chị M.

- *Về con chung*: Anh B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 03 người con tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001, Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 (Hiện các con đang sống chung với chị M). Anh B đồng ý giao các con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 30/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Bùi Thị M trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Thống nhất lời trình bày của anh B về quan hệ hôn nhân, vợ chồng không đăng ký kết hôn; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh B yêu cầu ly hôn chị M đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Có 03 người con tên là Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001, Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 (Hiện các con đang sống chung với chị M). Chị M đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Trong quá trình vợ chồng chung sống không thiếu nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Bùi Thị M do vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Về con chung, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị M và anh B giao các cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001,

cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và cháu Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung anh B và chị M không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1**] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh B yêu cầu ly hôn với chị M và có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và nuôi con"; do chị M có địa chỉ cư trú tại ấp Ranh Hạt, xã Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[**2**] *Về nội dung vụ án*:

[**2.1**] *Về hôn nhân*: Anh B và chị M bắt đầu chung sống với nhau từ năm 2000, anh chị chung sống là tự nguyện và không vị phạm các điều kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống anh, chị không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay anh, chị xảy ra mâu thuẩn nên anh B xin ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh B và chị M.

[**2.2**] *Về con chung*: Anh B và chị M xác định trong thời gian chung sống anh, chị có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001, Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 (Hiện các con đang sống chung với chị M). Các cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001; cháu Diễm T (sinh ngày 12/8/2003) và cháu Thúy L (sinh ngày 21/7/2006) chưa đủ 18 tuổi, anh B và chị M thoả thuận anh B tiếp tục giao cháu Hoàng N, cháu Diễm T và cháu Thúy L cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, hơn nữa từ khi anh chị ly thân đến nay chị M

là người trực tiếp nuôi con và cuộc sống của con vẫn được đảm bảo và chính quyền địa phương cũng đã xác nhận chị M đủ điều kiện nuôi con, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh B và chị M; Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001, cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu, anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[**2.3**] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh B và chị M xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và vợ chồng không thiếu nợ ai. Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[**3**] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Điều 147, Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Thanh B và chị Bùi Thị M.

2 - *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 30/10/2001, cháu Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 12/8/2003 và cháu Nguyễn Thúy L, sinh ngày 21/7/2006 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con do chị M không có yêu cầu (*Trường trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu*

cấp dưỡng nuôi con), anh B được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3 - *Về tài sản chung và nợ chung:*

Về tài sản chung: Anh B và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4 - *Án phí sơ thẩm*: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm 300.000đ nguyên đơn anh Nguyễn Thanh B chịu toàn bộ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0006166 ngày 26/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/9/2019).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)